**LƯU Ý CÁC LỖI DỄ MẮC PHẢI VỀ HÓA ĐƠN KẾ TOÁN CẦN PHẢI TRÁNH**

**Các lỗi về hóa đơn sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 109/2013/NĐ-CP, Nghị định 49/2016/NĐ-CP và Thông tư 10/2014/TT-BTC căn cứ vào mức độ vi phạm của hành vi. Dưới đây là một số vi phạm thường gặp về hóa đơn và mức phạt tương ứng.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HÀNH VI** | | | **MỨC PHẠT** | **CĂN CỨ PHÁP LÝ** |
| Hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo (trừ thông báo phát hành hóa đơn) cho cơ quan thuế | Lập sai hoặc không đầy đủ nội dung của thông báo, báo cáo theo quy định gửi cơ quan thuế | | 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng | Khoản 7 Điều 3 Nghị định 49/2016/NĐ-CP |
| Nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế chậm sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định | | 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng | Khoản 2 Điều 40 Nghị định 109/2013/NĐ-CP |
| Không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế. Hành vi này được tính sau 20 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định | | 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng | Khoản 3 Điều 40 Nghị định 109/2013/NĐ-CP |
| Hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ | Không lập đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định, trừ các trường hợp hóa đơn không nhất thiết phải lập đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn của BTC | | 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng | Điểm b Khoản 1 Điều 11 Thông tư 10/2014/TT-BTC |
| Không hủy hoặc hủy không đúng quy định các hóa đơn đã phát hành nhưng chưa lập, không còn giá trị sử dụng theo quy định | | 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng | Khoản 2 Điều 11 Thông tư 10/2014/TT-BTC |
| Lập hóa đơn không đúng thời điểm | | 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng | Khoản 3 Điều 11 Thông tư 10/2014/TT-BTC |
| Lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn theo quy định | |
| Ngày ghi trên hóa đơn đã lập xảy ra trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế | |
| Lập hóa đơn nhưng không giao cho người mua, trừ trường hợp trên hóa đơn ghi rõ người mua không lấy hóa đơn hoặc hóa đơn được lập theo bảng kê | |
| Không lập bảng kê hoặc không lập hóa đơn tổng hợp theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ | |
| Lập sai loại hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế | |
| Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã phát hành nhưng chưa lập hoặc hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) nhưng khách hàng chưa nhận được hóa đơn khi hóa đơn chưa đến thời gian lưu trữ, trừ trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn do thiên tai, hỏa hoạn. | | 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng | Khoản 4 Điều 11 Thông tư 10/2014/TT-BTC |
| Không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán từ 200.000 đồng trở lên cho người mua theo quy | |
| Sử dụng hóa đơn bất hợp pháp | | 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng | Khoản 5 Điều 11 Thông tư 10/2014/TT-BTC |
| Sử dụng bất hợp pháp hóa đơn | |
| Hành vi vi phạm quy định về phát hành hóa đơn | Nộp thông báo Điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp và hành vi nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi doanh nghiệp thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới. | | 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng | Khoản 2 Điều 3 Nghị định 49/2016/NĐ-CP |
| Sử dụng hóa đơn đã được Thông báo phát hành với cơ quan thuế nhưng chưa đến thời hạn sử dụng (05 ngày kể từ ngày gửi Thông báo phát hành) | |
| Lập Thông báo phát hành hóa đơn không đầy đủ nội dung theo quy định | | 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng | Khoản 3 Điều 3 Nghị định 49/2016/NĐ-CP |
| Không niêm yết Thông báo phát hành hóa đơn theo đúng quy định | |
| Nộp thông báo Điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp và hành vi nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi doanh nghiệp thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp từ sau 20 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới | |
| Không lập Thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được kê khai, nộp thuế theo quy định | | 6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng | Khoản 2 Điều 37 Nghị định 109/2013/NĐ-CP |
| Hành vi vi phạm quy định về mua hóa đơn | Không hủy hóa đơn được mua đã hết hạn sử dụng | | 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng | Khoản 1 Điều 9 Thông tư 10/2013/TT-BTC |
| Không khai báo việc làm mất hóa đơn đã mua nhưng chưa lập | Nếu việc mất, cháy, hỏng hóa đơn đã mua nhưng chưa lập được khai báo với cơ quan thuế trong vòng 5 ngày kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn | Không xử phạt | Điểm a Khoản 2 Điều 9 Thông tư 10/2013/TT-BTC |
| Từ ngày thứ 6 đến hết ngày thứ 10 kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn và có tình tiết giảm nhẹ | - Phạt cảnh cáo  - Trường hợp không có tình tiết giảm nhẹ thì xử phạt ở mức tối thiểu của khung hình phạt là 6.000.000 đồng | Điểm b Khoản 2 Điều 9 Thông tư 10/2013/TT-BTC |
| Sau ngày thứ 10 kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn | 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng | Điểm c Khoản 2 Điều 9 Thông tư 10/2013/TT-BTC |
| Cho, bán hóa đơn đã mua nhưng chưa lập | | 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng | Khoản 3 Điều 9 Thông tư 10/2013/TT-BTC |